

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25- 12- 2019

V/v tranh chấp chia tài sản sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 632/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Võ Thị Diệu H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

Anh và chị Võ Thị Diệu H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2015. Quá trình chung sống với chị H không có con chung. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã giải quyết theo quyết định số 204/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2019 công nhận thuận tình ly hôn.

Thời điểm kết hôn cha mẹ có cho chung 02 vợ chồng 08 chỉ vàng 24k và 01 chỉ vàng 18k. Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được 05 chỉ vàng 18k và 9,5 chỉ vàng 24k. Số tài sản này đã được thỏa thuận giải quyết trong quyết định số 204. Riêng đối với số vàng 9,5 chỉ vàng 24k. Hiện chị H đang quản lý.

Chị H thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2019. Vợ chồng định ly hôn xong tự thỏa thuận nhưng nay không thỏa thuận được. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia $\frac{1}{2}$ số vàng 9,5 chỉ vàng 24k.

Ngày 13/12/2019, anh N yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến. Tại đơn khởi kiện ngày 26/8/2019, anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số vàng 9,5 chỉ vàng 24k. Đây là số tài sản mà anh và chị H tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Tại biên bản hòa giải ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời có thể hiện số tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (trong 9,5 chỉ vàng 24k, chị H đã bán 5,5 chỉ vàng 24k để đi trị bệnh, gia đình bên chồng và chồng biết) như vậy còn lại 04 chỉ vàng 24k, chị H thừa nhận.

Nay anh thay đổi một phần khởi kiện. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số vàng 04 chỉ vàng 24k, mỗi người 02 chỉ vàng 24k. (Số vàng 04 chỉ vàng 24k, hiện chị H đang quản lý).

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/12/2019 và tại phiên tòa chị Võ Thị Diệu H trình bày:

Khi giải quyết việc ly hôn, anh N có đặt yêu cầu chia đôi số vàng 9,5 chỉ vàng 24k, các bên không thỏa thuận được nên anh N rút yêu cầu. Chị thừa nhận vợ chồng có số vàng chung 9,5 chỉ vàng 24k. Trong thời gian sống chung chị đã bán 5,5 chỉ vàng 24k để đi trị bệnh. Khi ly hôn chị còn quản lý 04 chỉ vàng 24k nhưng khi chị về nhà chồng để lấy quần áo, tư trang cá nhân thì bên chồng ngăn cản và đánh chị. Chị có báo với chính quyền địa phương về việc ngăn cản. Do chị không lấy được quần áo, tư trang nên chị đã bán hết số vàng 04 chỉ vàng 24k để mua sắm tư trang phục vụ nhu cầu thiết yếu. Hiện số vàng 04 chỉ vàng 24k không còn giữ nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án:* Bị đơn chị Võ Thị Diệu H có nơi cư trú tại ấp Rạch Bần, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Anh Trần Văn N khởi kiện yêu cầu Chia tài sản chung sau ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Chia tài sản chung sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; anh N là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh N là nguyên đơn, chị H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về tài sản chung:* Tại phiên tòa, anh N xác định chỉ yêu cầu chia đôi số vàng 04 chỉ vàng 24k (trong tổng số 9,5 chỉ vàng 24k, chị H đã đi trị bệnh hết 5,5 chỉ vàng 24k), số vàng này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà 02 vợ

chồng tạo lập được và chị H cũng thừa nhận đây là số vàng chung của 02 vợ chồng theo biên bản hòa giải ngày 06/8/2019. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, lời thừa nhận của bị đơn được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh. Như vậy, tài sản chung của anh N và chị H thì các bên xác định còn lại 04 chỉ vàng 24k. Anh N yêu cầu chia số vàng trên là có căn cứ.

Tại Tòa, chị H xác định đúng là chị có quản lý số vàng 04 chỉ vàng 24k, các tài sản chung khác đã được giải quyết bằng Quyết định số 204. Khi ly hôn với anh N xong chị về bên chồng để lấy quần áo, tư trang của chị nhưng phía bên chồng ngăn cản và có đánh chị nên chị không lấy được tài sản của mình. Từ đó chị đã bán hết 04 chỉ vàng 24k để sắm lại quần áo tư trang, phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân chị nên số vàng hiện không còn, từ đó chị không đồng ý chia.

Hội đồng xét xử thấy rằng, số vàng 04 chỉ vàng 24k, các bên thừa nhận đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Việc chị H đem bán hết số vàng trên không có ý kiến của anh N là ảnh hưởng đến quyền lợi của anh N. Xét thấy yêu cầu của anh N là có căn cứ nên được chấp nhận. Đối với việc chị H bán số vàng này để mua sắm phục vụ nhu cầu thiết yếu của cá nhân chị thì chị phải có nghĩa vụ giao lại cho anh N 02 chỉ vàng 24k. Phần 02 chỉ vàng 24k chị được hưởng. Do hiện nay, chị H đã bán hết số vàng 04 chỉ vàng 24k, chị H được hưởng 02 chỉ vàng 24k, buộc chị H phải giao lại cho anh N 02 chỉ vàng 24k. Căn cứ khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh N được hưởng 02 chỉ vàng 24k.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn N được hưởng 02 chỉ vàng 24k. Chị Võ Thị Diệu H được hưởng 02 chỉ vàng 24k. Nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số vàng các đương sự được nhận,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N về việc chia tài sản chung sau ly hôn với chị Võ Thị Diệu H.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn N được hưởng 02 chỉ vàng 24k. Chị Võ Thị Diệu H được hưởng 02 chỉ vàng 24k.

Buộc chị Võ Thị Diệu H có trách nhiệm giao lại cho anh Trần Văn N 02 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 420.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi nghìn đồng*). Anh N phải chịu 420.000 đồng. Ngày 23/9/2019 anh N đã dự nộp 494.000 đồng theo biên lai thu số 0002707 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đổi trừ anh N được nhận lại 74.000 đồng (*Bảy mươi bốn nghìn đồng*). (vàng 24k tại thời điểm xét xử có giá trên thị trường 4.200.000 đồng/chỉ).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- THA DS huyện Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công